

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **37/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 15/5/2023

“V/v: Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Hồng Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sơn Hải và ông Trần Hữu Lượng

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 567/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc “*Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 19^b/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị H., sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (*vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt*).

- Bị đơn: Anh Bùi Văn G., sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (*vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị H. và anh Bùi Văn G. kết hôn với nhau vào năm 2010, trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 25/01/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống và làm việc tại Thôn Đ, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường, hạnh phúc sâu đó thì phát sinh mâu thuẫn, hiện vợ chồng đang sống ly thân. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, tháng 12/2022 chị Phan Thị H. có đơn khởi kiện đề

ngợi Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn G..

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị H. trình bày: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh G. không tu chí làm ăn, không quan tâm vợ con còn đua đòi bạn bè nghiện ma túy về đánh chửi chị vô cớ. Năm 2020 anh G. bị bắt đi tù về tội ma túy, năm 2021 ra trại nhưng không thay đổi, vẫn vậy. Nay chị H. xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn G..

Lời khai bị đơn anh Bùi Văn G. có trong hồ sơ thể hiện: Quá trình chung sống vợ chồng bình thường, khoảng năm 2020 anh đi chấp hành án phạt tù đến năm 2021 anh trở về thấy chị H. có biểu hiện không bình thường, nhắn tin cho người đàn ông khác. Anh đã cho chị H. cơ hội nhưng không sửa. Hiện vợ chồng ở chung nhà nhưng không nói chuyện gì với nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh vẫn mong muốn vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành, anh không đồng ý ly hôn, trường hợp chị H. kiên quyết ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Có 02 con chung là Bùi Châm A, sinh ngày 01/7/2011 và Bùi Thị L, sinh ngày 21/8/2013. Khi ly hôn chị H. đề nghị Tòa án giải quyết giao con chung theo nguyện vọng của các cháu, anh G. đề nghị giao con chung cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Lời khai của cháu Bùi Châm A. và Bùi Thị L. có trong hồ sơ thể hiện nếu bố mẹ ly hôn các cháu có nguyện vọng được sinh sống cùng với mẹ.

Về tài sản chung: chị Phan Thị H. và anh Bùi Văn G. không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: chị Phan Thị H. và anh Bùi Văn G. không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh thể hiện: Anh Bùi Văn G. có hộ khẩu thường trú tại Thôn Đ, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Chị Phan Thị H. và anh Bùi Văn G. kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại Thôn Đ, xã H, huyện S. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường, không có mâu thuẫn gì lớn, thi thoảng có mâu thuẫn nhỏ thường ngày. Năm 2020 anh G. đi chấp hành án 01 năm về thì chị H. có đơn xin ly hôn với anh G., mâu thuẫn vợ chồng chưa qua hòa giải ở địa phương. Anh G. hiện là lao động tự do, không có công việc làm, không có thu nhập ổn định, thường không có mặt ở nhà. Chị H. là công nhân công ty sáng đi chiều về.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn khi tham gia tố tụng đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng đối với bị đơn không chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Chị Phan Thị H. và anh Bùi Văn G. kết hôn vào năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện S là hôn nhân hợp

pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng hiện sống chung nhà nhưng không ai nói chuyện gì với nhau. Do vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX xử cho chị Phan Thị H. được ly hôn với anh Bùi Văn G.; về con chung: giao cháu Bùi Châm A, sinh ngày 01/7/2011 và Bùi Thị L, sinh ngày 21/8/2013 cho chị Phan Thị H. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; về tài sản, đất đai, công nợ chung: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên không đề cập xử lý.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện chị Phan Thị H. đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn G. và giao nuôi con chung; không đề nghị giải quyết về tài sản, công nợ chung. Do vậy quan hệ pháp luật ở đây được xác định là “Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh G. nhiều lần nhưng anh không đến làm việc, đây được xác định thuộc trường hợp bị đơn cố tình trốn tránh nghĩa vụ. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị H. vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Bùi Văn G. vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 28, 35, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị H. và anh Bùi Văn G. kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 25/01/2010 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, tháng 12/2022 chị H. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn G., anh G. xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, không nhất trí ly hôn. Căn cứ kết quả xác minh tại địa phương, căn cứ lời khai của các đương sự cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện: Anh Bùi Văn G. là đối tượng nghiện ma túy, năm 2020 bị TAND huyện Sơn Dương xử phạt 01 năm tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, sau khi anh G. ra trại trở về địa phương thì cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, có mâu thuẫn, vợ chồng hiện sống ly thân, tuy ở chung nhà nhưng không ai nói chuyện gì với ai.

Như vậy, cuộc sống hôn nhân của chị Phan Thị H. và anh Bùi Văn G. thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng hiện sống ly thân nên xác định

hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn xử cho chị Phan Thị H. được ly hôn với anh Bùi Văn G..

2.2. Về con chung: Chị Phan Thị H. và anh Bùi Văn G. có 02 con chung là Bùi Châm A, sinh ngày 01/7/2011 và Bùi Thị L, sinh ngày 21/8/2013.

Xét thấy, cháu Bùi Châm A. và Bùi Thị L. là con chung của chị Phan Thị H. và anh Bùi Văn G. nên anh chị đều cùng phải có nghĩa vụ và trách nhiệm đối với các cháu. Quá trình giải quyết anh G. có quan điểm được nhận nuôi cả hai cháu nhưng anh G. là lao động tự do, không có việc làm, không có thu nhập, không thường xuyên có mặt ở địa phương. Chị H. có quan điểm đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của các con, quan điểm của cháu Bùi Châm A. và Bùi Thị L. có trong hồ sơ thể hiện các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung và đảm bảo quyền lợi của các đương sự sau khi ly hôn, cần giao cháu Bùi Châm A, sinh ngày 01/7/2011 và Bùi Thị L, sinh ngày 21/8/2013 cho chị Phan Thị H. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Bùi Văn G. không phải cấp dưỡng nuôi con (do chị Phan Thị H. không yêu cầu) và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở

2.3. Về tài sản chung: Chị Phan Thị H. và anh Bùi Văn G. không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.4. Về công nợ chung: Chị Phan Thị H. và anh Bùi Văn G. xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Phan Thị H. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 266, 271, 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị H. được ly hôn với anh Bùi Văn G..
2. Về con chung: Giao cháu Bùi Châm A, sinh ngày 01/7/2011 và Bùi Thị L, sinh ngày 21/8/2013 cho chị Phan Thị H. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Bùi Văn G. không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phan Thị H. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002436 ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Dương. Chị Phan Thị H. đã nộp đủ án phí của vụ án.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyện SD;
- Chi cục THADS huyện SD;
- UBND xã H.;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Hồng Chiến